

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới khi các nhà đầu tư lo ngại cuộc họp của Fed tuần này có thể đẩy lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ cao hơn nữa

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL giảm điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở.

[Thông tin doanh nghiệp]

MSN, SHB

[Cập nhật công ty]

VNM

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị duy trì vị thế trung hạn và tiếp tục trải lệnh mua trở lại 1 phần vị thế trading khi chỉ số quay xuống vùng hỗ trợ đã đề cập.

21/09/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,339.84	-0.79
VN30	1,446.22	-0.85
HĐTL VN30F1M	1,440.00	-0.83
HNXIndex	358.98	+0.03
HNX30	582.07	-0.10
UPCoM	96.77	-0.70
USD/VND	22,770	-0.01
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.10	+1
Lãi suất qua đêm (%)	0.65	+11
Dầu (WTI, \$)	71.33	+1.48
Vàng (LME, \$)	1,761.67	-0.14



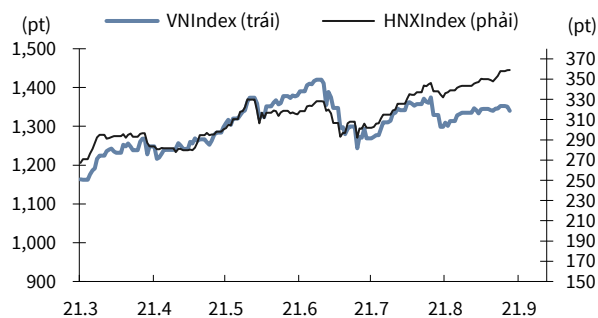
Điểm nhấn thị trường

VNIndex	1,339.84 (-0.79%)
KLGD (triệu CP)	820.3 (+0.0%)
GTGD (triệu US\$)	1,029.0 (-4.5%)
HNXIndex	358.98 (+0.03%)
KLGD (triệu CP)	201.8 (-0.0%)
GTGD (triệu US\$)	159.0 (-1.3%)
UPCoM	96.77 (-0.70%)
KLGD (triệu CP)	122.2 (-18.6%)
GTGD (triệu US\$)	86.1 (-23.2%)

TTCK Việt Nam giảm điểm tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới khi các nhà đầu tư lo ngại cuộc họp của Fed tuần này có thể đẩy lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ cao hơn nữa. Theo Cục Xuất nhập khẩu từ đầu tháng 9 đến nay, giá cao su tại châu Á có xu hướng giảm mạnh trong bối cảnh sản lượng ô tô sụt giảm do thiếu chip trên phạm vi toàn cầu, khiến giá cổ phiếu ngành cao su giảm ở GVR (-2.7%), HRC (-7.0%). Theo Vụ vật liệu Xây dựng (Bộ Xây dựng), 8 tháng đầu năm tiêu thụ xi măng đạt khoảng 70.8 triệu tấn (+4%YoY), sản lượng xuất khẩu ước đạt khoảng 27.2 triệu tấn (+12% YoY), giá cổ phiếu xi măng tăng ở BCC (+1%), BTS (+9.6%). Moody dự báo giá nhôm sẽ giữ đà tăng ít nhất đến giữa năm 2022, giúp giá cổ phiếu ngành nhôm tăng ở NSH (+9.8%), TKU (+8%). Khối ngoại bán ròng ở FUEVFVND (-2.6%), HPG (-1%), VIC (-1.3%).

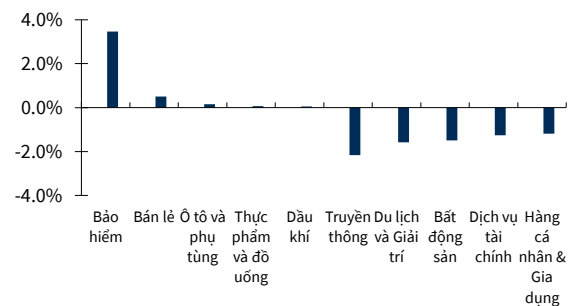
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -16.0

VNIndex & HNXIndex



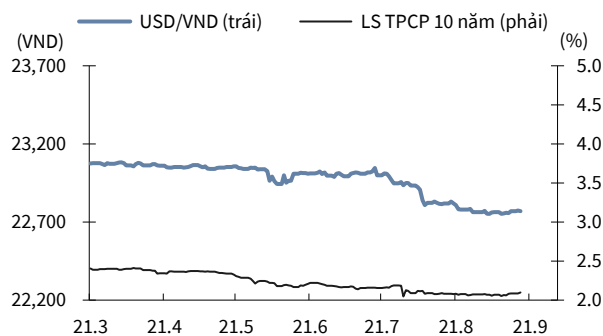
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



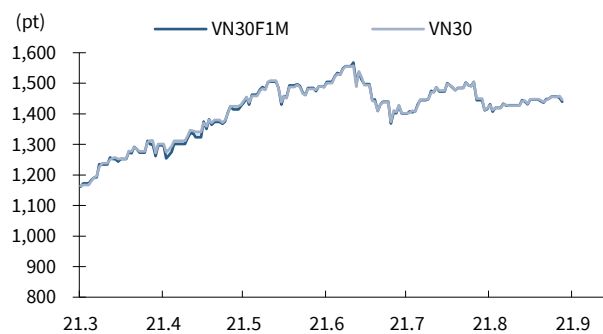
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,446.22 (-0.85%)
VN30F1M	1,440.0 (-0.83%)
Mở cửa	1,446.0
Cao nhất	1,447.4
Thấp nhất	1,425.4
KLGD (HĐ)	228,884 (+58.0%)

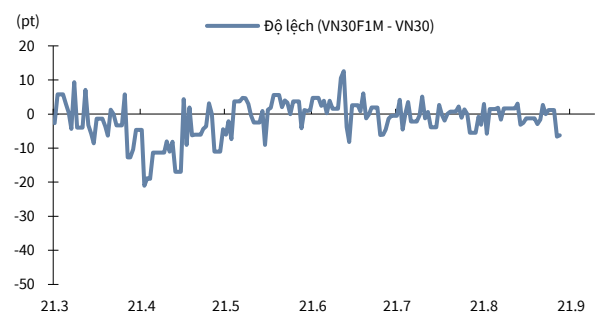
HĐTL giảm điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2110 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức -6.6 điểm, sau đó biến động với biên độ âm trong khoảng 0 đến -15.2 điểm và đóng cửa ở mức -6.2 điểm. Khối ngoại bán ròng trong phiên hôm nay với thanh khoản tăng mạnh.

HĐTL VN30F1M & VN30



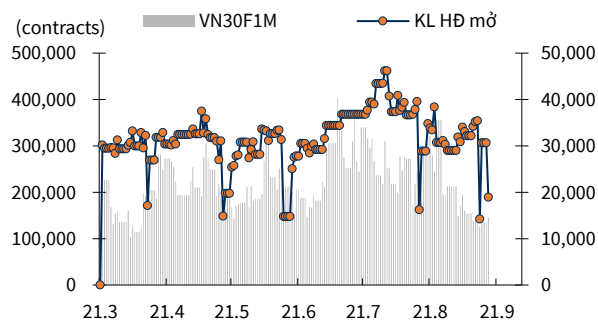
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



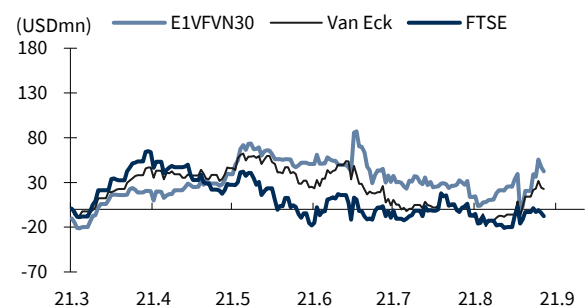
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

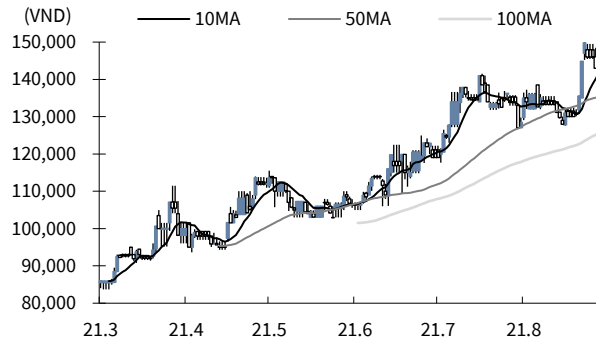
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Masan (MSN)

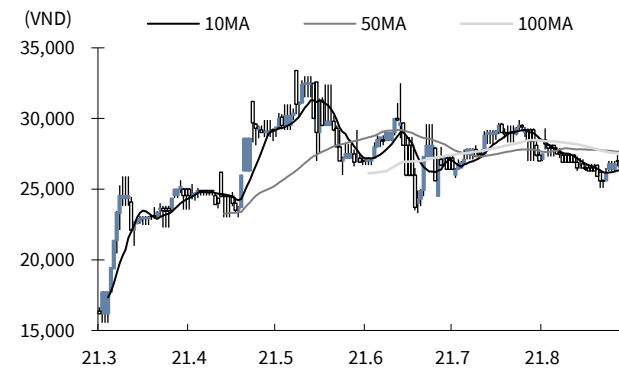


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MSN tăng 0.35% lên 143,500 VND/cp

- Masan Group thông báo đã hoàn tất mua lại 70% cổ phần của Công ty cổ phần Mobicast với tổng giá trị tiền mặt là 295.5 tỷ đồng, bước đầu mở rộng sang lĩnh vực viễn thông. Masan cho biết sẽ số hóa hệ sinh thái tiêu dùng “Point of Life” và mang đến trải nghiệm tích hợp xuyên suốt từ offline đến online.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội (SHB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- SHB giảm 1.85% xuống 26,500 VND/cp

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận việc tăng vốn điều lệ của SHB thêm hơn 7,413 tỷ đồng dưới hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận sau thuế sau trích lập năm 2020 gần 2,022 tỷ đồng và chào bán cho cổ đông hiện hữu 5,391 tỷ đồng.

CTCP Phú Tài (PTB)

Kỳ vọng ghi nhận lợi nhuận Phú tài Residence trong 2H2021

Chuyên viên phân tích Tài chính & Công nghệ
Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

20/09/2021

2Q2021, LNST đạt 127.6 tỷ VND, tăng 48.6% YoY

2Q2021, PTB có kết quả kinh doanh tăng trưởng ấn tượng với doanh thu đạt 1,612 tỷ VND, tăng 19.3% YoY với động lực tăng trưởng tới từ mảng gỗ. LNST 2Q2021 đạt 127.6 tỷ VND, tăng 48.6% YoY.

Kỳ vọng ghi nhận lợi nhuận dự án Phú Tài Residence trong 2H2021

Dự án Phú Tài residence được khởi công xây dựng năm 2019 tại Thành Phố Quy Nhơn tỉnh Bình Định. Chúng tôi kỳ vọng Phú Tài Residence sẽ bắt đầu ghi nhận kết quả trong 2H2021, mang lại khoảng 1,112 tỷ VND doanh thu và 192.5 tỷ VND lợi nhuận chia đều cho 2 năm 2021 và 2022.

Tăng trưởng mảng gỗ sẽ chững lại trong 3Q2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh

Trong ngắn hạn, tăng trưởng mảng gỗ của PTB sẽ chững lại do: (1) Làn sóng dịch thứ 4 tại Việt Nam (2) Giá cũng như lượng gỗ nhập khẩu đang quay trở lại ngưỡng ổn định sau khi tăng mạnh do thiếu nguồn cung và nhu cầu xây nhà tăng cao tại Mỹ trong 6 tháng đầu năm.

Tuy nhiên, triển vọng trung - dài hạn vẫn sẽ tích cực

Tuy vậy, KBSV vẫn đánh giá cao triển vọng tích cực của mảng gỗ trong trung-dài hạn khi Việt Nam đang dần thay thế Trung Quốc để trở thành nước đứng đầu xuất khẩu sản phẩm nội thất gỗ sang Mỹ sau khi Trung Quốc bị áp thuế nhập khẩu vào Mỹ.

Khuyến nghị **NĂM GIỮ**, giá mục tiêu 106,300 VND/cp

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị **NĂM GIỮ** đối với cổ phiếu PTB. Giá mục tiêu là 120,400 VND/cp, cao hơn 13.3% so với giá tại ngày 17/09/2021.

Năm Giữ

Giá mục tiêu	VND 120,400
Tăng/Giảm	13,3%
Giá hiện tại (09/17/2021)	VND 105,900
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	5,146

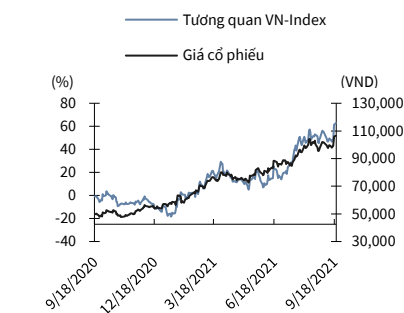
Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	68.6%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	28.2/1.2
Sở hữu nước ngoài (%)	20.6%
Cơ cấu cổ đông	Lê Vỹ (12.27%)

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	6	25	42	114
Tương đối	5	29	26	63

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2019A	2020A	2021F	2022F
Doanh thu thuần (Tỷ VND)	5,549	5,601	6,801	8,038
Tốc độ tăng trưởng(%)	17.6%	0.9%	21.4%	18.2%
Lợi nhuận gộp(tỷ VND)	1,031	1,141	1,486	1,782
Biên lợi nhuận gộp (%)	18.6%	20.4%	21.8%	22.2%
Lợi nhuận ròng (tỷ VND)	457	379	503	625
Tốc độ tăng trưởng(%)	14.3%	-17.0%	32.7%	24.1%
EPS (VND)	8,958	7,377	9,786	12,148
Tăng trưởng EPS	13.2%	-17.7%	32.7%	24.1%
P/E	11.1	13.4	10.1	8.1

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

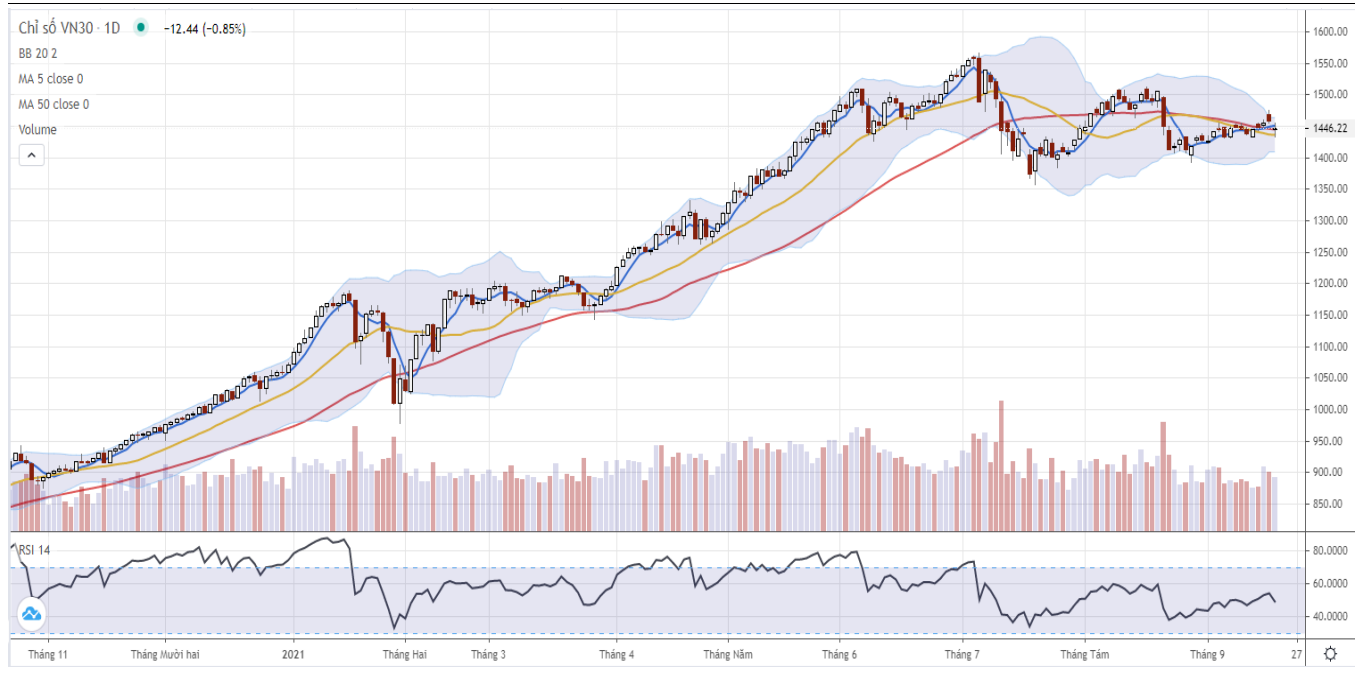
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



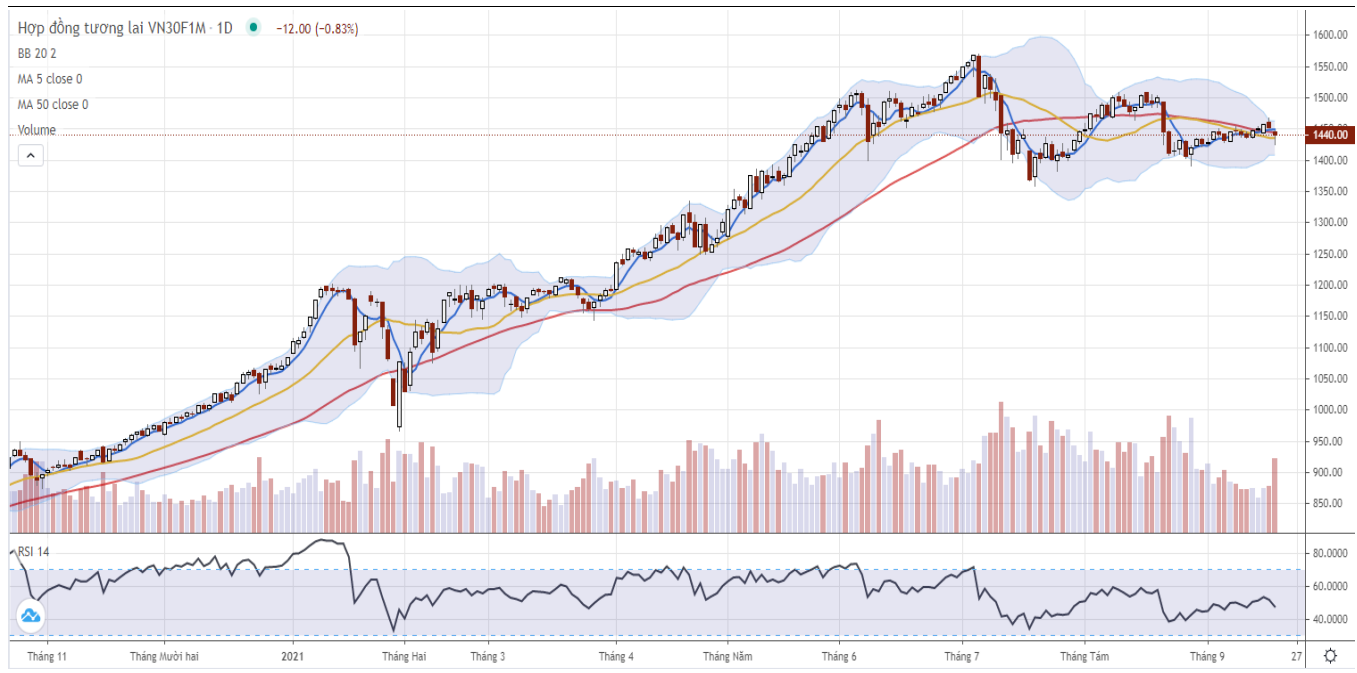
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex mở gap giảm điểm và tiếp tục lao dốc với biên độ rộng trong phiên trước khi hồi phục và lấy lại phần nhiều số điểm đã mất.
- Vùng hỗ trợ quanh 1320 (+5) đang cho phản ứng tích cực và tạo điểm đỡ cho chỉ số, giúp trạng thái thị trường sớm quay lại trạng thái cân bằng. Mặc dù rủi ro tiếp tục điều chỉnh rung lắc của VNIndex vẫn còn hiện hữu nhưng chùng nào chưa đánh mất cận dưới của vùng hỗ trợ tại 1315, cơ hội duy trì xu hướng hồi phục vẫn được bảo lưu.
- NĐT được khuyến nghị duy trì vị thế trung hạn và tiếp tục trải lệnh mua trở lại 1 phần vị thế trading khi chỉ số quay xuống vùng hỗ trợ đã đề cập.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1452 - 1454

Kháng cự gần: 1445 - 1448

Hỗ trợ gần: 1431 - 1434

Hỗ trợ xa: 1416 - 1421

- F1 mở gap giảm điểm và tiếp tục lao dốc với biên độ rộng trong phiên trước khi hồi phục và lấy lại phần nhiều số điểm đã mất.
- Vùng hỗ trợ quanh 1420 (+5) đang cho phản ứng tích cực và tạo điểm đỡ cho chỉ số, giúp trạng thái xu hướng sớm quay lại trạng thái cân bằng. Mặc dù rủi ro tiếp tục điều chỉnh rung lắc vẫn còn hiện hữu nhưng chừng nào chưa đánh mất cận dưới của vùng hỗ trợ tại 1415, cơ hội duy trì xu hướng hồi phục vẫn được bảo lưu.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở lại một phần vị thế LONG khi chỉ số quay xuống vùng hỗ trợ xa nhưng đặt Stop chặt.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

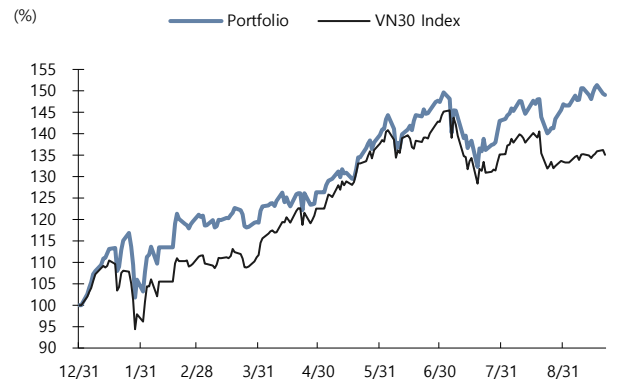
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.85%	-0.20%
Tăng lũy kế (YTD)	35.06%	49.04%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 21/09/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	123,800	0.7%	60.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	41,900	-1.3%	71.3%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	90,100	-1.0%	17.5%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	28,000	-0.9%	122.4%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	66,000	0.6%	94.1%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	93,500	-1.0%	221.2%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	31,500	-1.1%	66.6%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	88,200	-0.7%	20.2%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	50,800	-1.0%	250.9%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	42,500	3.7%	210.2%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHM	-3.0%	22.8%	86.4
VNM	0.1%	54.5%	74.4
HSG	3.8%	12.5%	35.6
KBC	3.7%	17.8%	34.7
VHC	2.2%	22.6%	30.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
FUEFVND	-2.6%	98.6%	-156.6
HPG	-1.0%	26.2%	-100.0
VIC	-1.3%	14.4%	-95.3
STB	-1.1%	15.8%	-76.9
E1FVN30	-0.6%	96.6%	-183.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVG	6.1%	1.8%	12.4
KLF	4.4%	0.6%	6.5
CLH	-1.1%	0.7%	4.3
BII	-2.6%	0.5%	2.7
PPS	-0.8%	22.8%	2.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNR	-1.9%	32.0%	-6.6
VCS	1.3%	3.9%	-3.3
HUT	4.4%	2.9%	-1.3
PVS	4.1%	8.2%	-0.6
PLC	1.0%	1.7%	-0.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	4.7%	BVH, BMI
Xây dựng và Vật Liệu	2.7%	TGG, TCD
Ngân hàng	2.2%	VPB, TCB
Tài nguyên Cơ bản	2.2%	HPG, HSG
Thực phẩm và đồ uống	1.5%	MSN, VNM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	-6.1%	HVN, VJC
Bất động sản	-3.1%	VIC, VHM
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.1%	LGC, GMD
Hóa chất	-0.7%	GVR, PHR
Y tế	-0.6%	DHG, VMD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	16.6%	MWG, DGW
Hóa chất	10.2%	GVR, DGC
Xây dựng và Vật Liệu	10.1%	HT1, TGG
Du lịch và Giải trí	9.4%	HVN, VJC
Tài nguyên Cơ bản	9.2%	HPG, HSG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bất động sản	-3.0%	VIC, VHM
Truyền thông	0.9%	YEG, PNC
Ngân hàng	1.7%	CTG, HDB
Dầu khí	4.0%	PLX, PVD
Dịch vụ tài chính	4.2%	FIT, SSI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtrệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	265,937 (11.7)	22.5	87.6	49.4	14.7	6.0	8.0	3.6	3.3	-1.3	-7.0	12.4	-11.0
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	1,232,213 (54.1)	26.6	10.1	9.2	35.9	32.1	26.9	2.7	2.1	-3.0	-5.8	-6.8	12.6
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	142,715 (6.3)	17.8	25.6	17.8	-7.6	6.8	10.4	2.2	2.1	-3.1	0.4	5.0	-9.6
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	248,267 (10.9)	31.3	35.5	19.0	6.7	19.4	17.4	4.3	3.4	0.0	0.0	-0.7	114.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	113,197 (5.0)	11.6	24.9	18.4	18.0	12.3	14.4	2.9	2.4	-1.1	1.2	6.0	56.7
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	95,790 (4.2)	13.9	10.9	8.0	-	16.3	18.5	1.6	1.3	-0.8	2.7	-0.4	37.4
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	101,404 (4.5)	6.3	18.5	14.5	11.7	19.7	20.1	3.2	2.5	-1.6	-0.3	-2.1	0.1
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	62,960 (2.8)	12.7	17.1	12.2	-5.3	13.2	17.0	1.8	1.7	-0.6	2.5	-2.1	-17.2
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	519,190 (22.8)	0.0	10.5	8.8	14.3	20.4	20.2	1.9	1.6	-0.6	3.9	-0.2	60.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	368,906 (16.2)	1.4	11.0	8.3	61.1	18.3	20.5	1.4	1.2	-1.1	1.0	-3.7	17.7
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,300	101,381 (4,406)	429,113 (18.8)	0.0	13.0	11.0	18.8	22.9	16.6	2.0	1.7	-0.9	4.7	7.0	105.8
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	382,661 (16.8)	0.0	8.7	6.8	14.6	22.1	22.3	1.6	1.3	-0.9	1.4	-6.4	65.9
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	65,052 (2.9)	4.2	8.5	8.1	23.3	22.2	21.5	1.7	-	-0.6	3.0	-7.4	34.5
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	373,700 (16.4)	14.0	18.4	13.5	26.5	10.3	12.6	-	-	-1.1	0.6	-5.3	58.6
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	222,142 (9.8)	0.0	9.0	7.6	37.5	23.2	21.5	1.8	1.5	-0.2	6.4	14.3	49.3
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	11,871 (0.5)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-	-2.2	-3.3	-0.6
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	60,226 (2.6)	21.0	25.0	22.6	15.8	8.2	8.6	1.9	1.8	3.3	3.1	4.3	-15.6
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	29,084 (1.3)	14.2	15.9	16.5	9.1	12.0	12.0	1.8	1.6	4.2	13.6	12.1	50.6
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	679,176 (29.8)	55.4	16.2	14.5	-3.2	17.3	17.7	-	-	-1.6	-0.9	2.0	92.5
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	339,833 (14.9)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-0.6	1.8	2.6	118.9
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (387)	291,821 (12.8)	52.4	-	-	-25.5	-	-	-	-	-2.2	2.7	-7.2	68.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	494,769 (21.7)	27.2	11.6	19.6	36.3	-	-	3.9	3.5	-1.3	-0.4	-0.2	181.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	273,265 (12.0)	42.1	18.7	17.3	4.0	32.7	33.9	5.7	5.5	0.1	2.1	1.1	-18.4
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	36,637 (1.6)	36.9	21.6	18.2	7.3	23.0	24.2	4.4	3.9	-0.2	-4.8	10.5	-19.0
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	230,322 (10.1)	16.5	50.9	28.9	-51.9	17.5	22.8	8.7	6.8	0.3	5.9	7.2	61.4
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	51,817 (2.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.7	15.8	13.1	-44.1
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	130,253 (5.7)	11.0	-	34.6	-88.5	0.4	16.2	-	-	-0.6	-1.8	3.1	-1.2
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	209,798 (9.2)	10.8	29.0	19.6	-57.0	9.3	13.1	2.5	2.2	-2.2	-3.1	5.2	52.8
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	61,630 (2.7)	38.4	22.8	12.2	65.7	4.7	7.5	-	-	-1.1	-0.9	-2.0	-18.9
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (91)	50,939 (2.2)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-0.4	2.1	7.7	110.7
	GEX	GELEX GROUP JSC	17,224	10,411 (452)	235,678 (10.3)	37.7	-	-	-13.2	12.1	12.7	-	-	-0.6	0.2	-0.6	32.9
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	26,902 (1.2)	3.6	103.4	26.8	-52.4	0.6	2.3	0.6	0.6	0.0	-0.7	1.0	-13.1
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	79,397 (3.5)	0.0	12.4	10.4	-4.5	13.2	14.1	1.5	1.5	0.6	1.7	7.7	34.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	75,760 (3.3)	46.1	19.3	15.5	-17.5	18.1	20.5	3.4	3.1	-0.7	-0.9	0.8	1.8
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	20,777 (0.9)	31.4	19.3	12.4	-10.5	8.2	13.2	1.6	1.8	3.9	1.2	10.1	-13.2
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	14,711 (0.6)	34.1	18.1	10.8	-5.1	7.9	13.9	1.5	1.5	1.7	-0.9	2.2	-4.7
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,289,487 (56.6)	18.0	7.1	6.8	21.9	41.5	30.7	2.4	1.8	-1.0	1.0	3.7	65.5
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	214,695 (9.4)	36.5	11.5	17.7	-0.5	15.4	9.5	1.6	1.5	-1.0	-1.5	-2.8	87.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	119,141 (5.2)	46.5	18.6	19.8	-4.5	11.7	10.5	-	-	-0.2	-2.2	4.4	76.4
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	593,910 (26.1)	38.9	5.5	7.6	67.9	47.9	25.6	2.1	1.6	3.8	6.7	20.5	131.9
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	105,599 (4.6)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-0.9	1.6	1.5	22.6
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	51,886 (2.3)	4.6	16.9	14.8	-51.0	16.0	16.1	-	-	-0.8	-1.0	0.0	-9.2
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	131,727 (5.8)	39.9	254.1	34.9	-11.9	0.2	2.2	0.6	0.6	6.4	18.6	18.6	34.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	168,002 (7.4)	35.9	10.8	10.1	1.2	14.9	14.8	1.5	1.4	1.0	2.1	14.1	73.9
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	144,025 (6.3)	0.0	18.1	14.2	13.7	24.3	26.8	4.0	3.5	0.7	-0.6	13.2	56.2
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	62,909 (2.8)	0.0	19.1	15.2	2.4	20.2	23.4	3.5	3.0	-1.0	1.2	-1.5	11.2
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	2,728 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-1.9	0.7	3.0	-66.7
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	104,299 (4.6)	30.3	38.3	23.8	-75.2	8.0	12.1	3.0	2.8	3.2	1.9	16.3	45.2
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	40,895 (1.8)	34.6	16.4	9.1	41.2	15.4	27.4	2.1	2.1	-1.9	-5.3	0.6	-18.1
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	6,392 (0.3)	45.4	17.9	16.9	10.7	20.3	20.3	3.5	3.1	0.0	-1.7	5.6	-2.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	137 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-1.2	0.0	-1.2	4.6
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	197,120 (8.7)	0.0	20.6	17.7	15.5	24.0	25.1	4.4	4.0	-1.0	-0.3	0.8	81.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.